



二 語詞活用  
Gí - sū uáh - iōng 語詞活用 (Common Usage)

1 跤尾手尾冷吱吱。  
Kha - bué tshiú - bué líng - ki - ki.  
(天氣冷的时候，)手脚的末端都容易觉得冷。  
Hands and feet often feel chilly when the weather gets colder and colder.

2 用跤頭跌想嘛知。  
lōng kha - thâu - u siūnn mā tsai.  
用膝蓋想也知道，比喻非常简单。  
This means exactly what it says.